Chi tiết mã HS 7208.27.91

Mã HS	7208.27.91
Mô tả hàng hóa	Các sản phẩm sắt hoặc thép không hợp kim được cán phẳng, có chiều rộng từ 600mm trở lên, được cán nóng, chưa dát phủ (clad), phủ, mạ (coated) hoặc tráng (plated) / - Loại khác, dạng cuộn, chưa được gia công quá mức cán nóng, đã ngâm tẩy gỉ: / - - Chiều dày dưới 3mm: / - - - Loại khác: / - - - - Có hàm lượng carbon từ 0,6% trở lên tính theo khối lượng
Đơn vị	kg
Thời điểm tạo	18/11/2026 02:52:02
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://mail.vietnamtariff.com/hs-code/72082791/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	5	5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K11017
Thuế NK ưu đãi (MFN)	0	0%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N11017
Thuế GTGT (VAT)	10/8	10 / 8 (nhiều mức)	174/2025/NĐ-CP - PL1		BT2026!Q11017
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0 (-MY, PH, TH)	0% (trừ MY, PH, TH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-ID, MM, PH)	0% (trừ ID, MM, PH)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu
AIFTA	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)
AJCEP	*	* không hưởng ưu đãi	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Không được hưởng (*)

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E10328
ATIGA	2022	2022	0	AT!E10279
ATIGA	2023	2023	0	AT!F10279
ATIGA	2024	2024	0	AT!G10279
ATIGA	2025	2025	0	AT!H10279
ATIGA	2026	2026	0	AT!I10279
ATIGA	2027	2027	0	AT!J10279
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	*	AJ!E10331
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	*	AJ!F10331
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	*	AJ!G10331

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	*	AJ!H10331
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	*	AJ!I10331
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	*	AJ!J10331
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E10332
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F10332
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G10332
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H10332
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I10332
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J10332
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F10333
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H10285
AIFTA	30/12/2022	2022	*	AI!F10291
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	*	AI!G10291
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	*	AI!H10291
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	*	AI!I10291
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	*	AI!J10291
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	*	AI!K10291
VKFTA	2022	2022	0	VK!E10316
VKFTA	2023	2023	0	VK!F10316
VKFTA	2024	2024	0	VK!G10316
VKFTA	2025	2025	0	VK!H10316
VKFTA	2026	2026	0	VK!I10316
VKFTA	2027	2027	0	VK!J10316
VCFTA	2022	2022	3	VC!D10369
VCFTA	2023	2023	1	VC!E10369
VCFTA	2024	2024	0	VC!F10369

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G10369
VCFTA	2026	2026	0	VC!H10369
VCFTA	2027	2027	0	VC!I10369
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D10354
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E10354
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F10354
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G10354
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H10354
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I10354
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D10354
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E10354
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F10354
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G10354
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H10354
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I10354
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D10371
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E10371
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F10371
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G10371
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H10371
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I10371
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D10370
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E10370
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F10370
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G10370
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H10370

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I10370
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D10311
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E10311
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F10311
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G10311
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H10311
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I10311
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J10311
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D10348
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E10348
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F10348
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G10348
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H10348
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I10348
RCEP B	2022	2022	0	B!D10348
RCEP B	2023	2023	0	B!E10348
RCEP B	2024	2024	0	B!F10348
RCEP B	2025	2025	0	B!G10348
RCEP B	2026	2026	0	B!H10348
RCEP B	2027	2027	0	B!I10348
RCEP C	2022	2022	0	C!D10348
RCEP C	2023	2023	0	C!E10348
RCEP C	2024	2024	0	C!F10348
RCEP C	2025	2025	0	C!G10348
RCEP C	2026	2026	0	C!H10348
RCEP C	2027	2027	0	C!I10348

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D10347
RCEP D	2023	2023	0	D!E10347
RCEP D	2024	2024	0	D!F10347
RCEP D	2025	2025	0	D!G10347
RCEP D	2026	2026	0	D!H10347
RCEP D	2027	2027	0	D!I10347
RCEP E	2022	2022	0	E!D10351
RCEP E	2023	2023	0	E!E10351
RCEP E	2024	2024	0	E!F10351
RCEP E	2025	2025	0	E!G10351
RCEP E	2026	2026	0	E!H10351
RCEP E	2027	2027	0	E!I10351
RCEP F	2022	2022	0	F!D10348
RCEP F	2023	2023	0	F!E10348
RCEP F	2024	2024	0	F!F10348
RCEP F	2025	2025	0	F!G10348
RCEP F	2026	2026	0	F!H10348
RCEP F	2027	2027	0	F!I10348
VIFTA	2024	2024	0	VI!F9565
VIFTA	2025	2025	0	VI!G9565
VIFTA	2026	2026	0	VI!H9565
VIFTA	2027	2027	0	VI!I9565

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-001	YELLOW	Kiểm tra chuyên ngành	Chính sách mặt hàng: DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)		765/QĐ-BCT	Chuẩn bị hồ sơ đăng ký kiểm tra/chứng nhận theo văn bản nêu trên trước khi thông quan.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
HS-003	YELLOW	Classification Review Required – có các dòng thuế tương tự	Phân nhóm 7208.27 có 4 dòng thuế; dòng 7208.27.91 được phân biệt với các dòng khác theo mô tả: Có hàm lượng carbon từ 0,6% trở lên tính theo khối lượng.	7208.27.11 Có hàm lượng carbon từ 0,6% trở lên tính theo khối lượng; 7208.27.19 Loại khác; 7208.27.99 Loại khác	31/2022/TT-BTC	Xác minh các đặc điểm phân biệt; cân nhắc đề nghị xác định trước mã số nếu chưa chắc chắn.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “10/8”. Không được giảm VAT theo 174/2025/NĐ-CP - PL1: Sản phẩm thép cuộn phẳng không gia công quá mức cuộn nóng, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng > Thép không hợp kim cuộn phẳng không gia công quá mức cuộn nóng, có chiều rộng ≥ 600mm, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng. Gồm: Thép không hợp kim cuộn phẳng không gia công quá mức cuộn nóng, dạng cuộn, có chiều rộng ≥ 600mm, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng; Thép không hợp kim cuộn phẳng không gia công quá mức cuộn nóng, dạng không cuộn, có chiều rộng ≥ 600mm, chưa được dát phủ, mạ hoặc tráng (Tham chiếu mã HS 4 số)		174/2025/NĐ-CP - PL1	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 7208.27.91. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra

DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 0% của mã 7208.27.91 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N11017), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM mặt hàng đã được cắt giảm kiểm tra chuyên ngành (765/QĐ-BCT ngày 29/03/2019)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.